

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Giới thiệu về dự toán và gói thầu

1. Giới thiệu về dự toán:

- Tên Chủ đầu tư: Sư đoàn 5 / Quân khu 7
- Tên dự toán: Mua xăng dầu phân cấp năm 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí ngân sách quốc phòng năm 2025.
- Thời gian thực hiện: 05 ngày

2. Giới thiệu về gói thầu:

- Tư vấn lựa chọn nhà thầu: Công Ty TNHH Jetco Asia
- Tên gói thầu: Mua xăng dầu phân cấp năm 2025.
- Giá gói thầu: 1.317.843.456 đồng.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: 1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2025.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn được duyệt: 05 ngày.

Mục 2. Phạm vi công việc của gói thầu

2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung

- Hàng hóa phải được sản xuất từ năm 2025 trở về sau với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, hăng sản xuất, thời gian bảo hành hàng hóa phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật tại Chương này;

- Hàng hóa cung cấp đúng chủng loại, đủ số lượng theo phạm vi cung cấp của gói thầu và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết, tiêu chuẩn trong E-HSMT.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo quản và vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện, hướng dẫn và bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng, công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật; chi phí vận chuyển, kiểm tra, thử nghiệm, lắp đặt, và bàn giao hàng hóa do nhà thầu chi trả.

- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp cung cấp, lắp đặt hàng hóa nhà thầu phải cung cấp: Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa; Biện pháp tổ chức đảm bảo chất lượng hàng hóa cung cấp; An toàn lao động và vệ sinh môi trường; Biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao.

- Toàn bộ những trường hợp hỏng hóc, không đúng, không đủ thông số kỹ thuật sẽ được nhà thầu thay thế trong thời gian bảo hành và nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả các chi phí.

2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

- Chủ đầu tư, bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa do nhà thầu chào để khẳng định hàng hóa có đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu của từng loại hàng hóa được nêu trong E-HSMT.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không thực hiện cung cấp đầy đủ hàng mẫu trong khoảng thời gian yêu cầu thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt theo quy định.

- Khi giao nhận hàng phải tuân thủ các yếu tố sau:

+ Đơn vị tính trong giao nhận lít 15°C. Nhà thầu phải có cam kết về nội dung này.

+ Lấy mẫu thử: Theo TCVN 6777: 2007 (ASTM D 4057-06);

+ Phương pháp, dụng cụ đo tính, xác định thể tích (lít): Tuân theo tiêu chuẩn ngành TCN 01:2000 “nhiên liệu dầu mỏ thể lỏng, quy tắc giao nhận” ban hành kèm theo quyết định số: 1783/2000/QĐ-BTM ngày 26/12/2000 của Bộ Thương mại (Viết tắt là TCN 01:2000) và theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương);

- Đối với hàng hóa chủ đầu tư muốn gửi lại. Nhà thầu phải đồng ý giữ hàng lại trong kho của nhà thầu (Không tính phí lưu kho, hao hụt đối với hàng hóa mà chủ đầu tư gửi lại). Hàng hóa mà chủ đầu tư gửi lại, nhà thầu phải đồng ý vận chuyển cho chủ đầu tư chậm nhất sau 12 giờ kể từ khi có yêu cầu của chủ đầu tư (không tính chi phí vận chuyển).

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của toàn bộ hàng hoá cung cấp. Trường hợp xảy ra bất kỳ khiếu kiện liên quan đến hàng hoá mà nhà thầu cung cấp thì Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu nếu trường hợp xảy ra tranh chấp, khiếu kiện.

Trong trường hợp có yêu cầu, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng nhận xuất xứ hàng hóa, tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa hoặc chứng nhận phân tích đối với các hàng hóa Nhà thầu đã cung cấp;

- Thu hồi; đổi trả: Nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không sử dụng được, có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu hoặc phát hiện nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa không hợp pháp.

*** Đối với hàng hoá nhập khẩu:**

- Cung cấp bản sao có chứng thực của Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng; trường hợp chưa có Giấy chứng nhận C/O thì phải cung cấp bản sao có chứng thực của Văn bản thông báo xác định trước xuất xứ hàng hoá của Tổng cục Hải quan.

*** Đối với hàng hoá sản xuất trong nước:**

- Cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng.

*** Đối với Diesel 0.05S-II:**

Nhà thầu cung cấp đầy đủ tài liệu dưới dạng bản chụp màu (scan màu) từ bản gốc và đính kèm trong E-HSMT:

- Cung cấp Chứng thư giám định chất lượng lô hàng (trường hợp Chứng thư tra cứu trực tuyến được tại website của Tổ chức giám định thì cung cấp mã số hồ sơ tra cứu, hoặc mã quét QRcode thay thế cho chứng thực);

- Các Phiếu kết quả thử nghiệm đối với hàng hoá chào thầu của Phòng thí nghiệm đạt chứng nhận VILAS để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng toàn bộ chỉ tiêu chất lượng (Ngày nhận mẫu và nơi gửi mẫu là bất kỳ);

2.2.2. Các yêu cầu khác

- Trong thời giao bảo hành, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá và vật chứa.

Bảng số 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa của gói thầu

Số TT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Yêu cầu về nhãn mác, thương hiệu, xuất xứ (nếu có); đặc tính sử dụng, thông số kỹ thuật và chất lượng của hàng hóa	Yêu cầu tối thiểu về thời hạn bảo hành
1	Xăng RON 95-III	Lít 15°C	16.000	Đảm bảo quy định theo TCVN 6776:2024	12 tháng
2	Xăng E5 RON 92-II	Lít 15°C	25.981	Đảm bảo quy định theo TCVN 8063:2024	12 tháng
3	Dầu DO 0,05%S-II	Lít 15°C	24.556	Đảm bảo quy định theo TCVN 5689:2024	12 tháng

Bảng số 2. Phạm vi cung cấp các dịch vụ liên quan của gói thầu

Nhà thầu cung cấp dịch vụ vận chuyển trọn gói.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật đối với các loại hàng hóa sẽ cung cấp cho gói thầu

Bất kỳ nhãn hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, nhãn hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu:

Bảng số 1. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng E5 RON 92-II theo TCVN 8063:2024

STT	Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp kiểm tra
		2	3	4	5	
1	Trị số octan (RON),min	92/95	92/95/97	92/95/97	92/95/97	TCVN 2703 ASTM D 2699
2	Hàm lượng chì, g/L,max	0,005	0,005	0,005	0,005	TCVN 7143 (ASTMD 3237) TCVN 6704 (ASTM D5059)
3	Thành phần cất phân đoạn: -Điểm sôi đầu, ° C -10% thể tích, ° C, max -50% thể tích, ° C, max -90% thể tích, ° C, max -Điểm sôi cuối, ° C, max -Cặn cuối, % thể tích, max	Báo cáo 70 120 190 215 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	TCVN 2698 ASTM D86
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/ 3h,max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 ASTM D 130
5	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi) mg/100mg, max	5	5	5	5	TCVN 6593 ASTM D 381
6	Độ ổn định ô xy hóa, phút, min	480	480	480	480	TCVN 6778 ASTM D 525
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	500	150	50	10	TCVN 7760 ASTM D 5453 TCVN 6701 ASTM D 2622 TCVN 3172 ASTM D 5191
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37,8° C,kPa	43-80	43-80	43-80	43-80	TCVN 7023 ASTM D 5191 ASTM D5191
9	Hàm lượng Benzen, % thể tích, max	2,5	2,5	1,0	1,0	TCVN 3166 ASTM D 5580

10	Hàm lượng Hydrocacbon thơm, % thể tích, max	40	40	40	35	TCVN 7330 ASTM D 1319 TCVN 3166 ASTM D 5580 TCVN 12015 ASTM D 6839
11	Hàm lượng olefin, % thể tích, max	38	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 7330 ASTM D 1319 TCVN 12014 ASTM D 6296 TCVN 12015 ASTM D 6839
12	Hàm lượng ôxy, % khối lượng, max	3,7	3,7	3,7	3,7	TCVN 7332 ASTM D 4815
13	Hợp chất oxygenat, % thể tích, max -Etanol -Metanol -Iso-propyl ancol - Iso-butyl ancol -Tert-butyl ancol -Ete (số nguyên tử C ≥ 5) Riêng MBTE -Aceton	4-5 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	4-5 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	4-5 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	4-5 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	TCVN 7332 ASTM D 4815
14	Khối lượng riêng ở 15 ⁰ C, kg/m ³	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 6594 ASTM S 1298 TCVN 8314 ASTM D 3831
15	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L, max	5	5	5	5	TCVN 7331 ASTM D3831 ASTM D 5863
16	Ngoại quan	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 ASTMD 4176

Bảng số 2. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng RON 95-III (Theo tiêu chuẩn TCVN 6776: 2024)

STT	Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp kiểm tra
		2	3	4	5	
1	Trị số octan (RON),min	90/92/95	92/95/97	92/95/97	92/95/97	TCVN 2703 ASTM D 2699
2	Hàm lượng chì, g/L,max	0,005	0,005	0,005	0,005	TCVN 7143 (ASTMD 3237) TCVN 6704 (ASTM D5059)
3	Thành phần cất phân đoạn: -Điểm sôi đầu, °C -10% thể tích, °C, max -50% thể tích, °C, max -90% thể tích, °C, max -Điểm sôi cuối, °C, max -Cặn cuối, % thể tích, max	Báo cáo 70 120 190 215 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	TCVN 2698 ASTM D86
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/ 3h,max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 ASTM D 130
5	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi) mg/100mg, max	5	5	5	5	TCVN 6593 ASTM D 381
6	Độ ổn định ô xy hóa, phút, min	480	480	480	480	TCVN 6778 ASTM D 525
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	500	150	50	10	TCVN 7760 ASTM D 5453 TCVN 6701 ASTM D 2622 TCVN 3172 ASTM D 5191
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37,8°C,kPa	43-75	43-75	43-75	43-75	TCVN 7023 ASTM D 5191 TCVN 11588 ASTM D5191
9	Hàm lượng Benzen, % thể tích, max	2,5	2,5	1,0	1,0	TCVN 6703 ASTM D 3606 TCVN 3166 ASTM D 5580

10	Hàm lượng Hydrocacbon thơm, % thể tích, max	40	40	40	35	TCVN 7330 ASTM D 1319 TCVN 3166 ASTM D 5580
11	Hàm lượng olefin, % thể tích, max	38	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 7330 ASTM D 1319
12	Hàm lượng ôxy, % khối lượng, max	2,7	2,7	2,7	2,7	TCVN 7332 ASTM D 4815
13	Hợp chất oxygenat, % thể tích, max -Etanol -Metanol -Iso-propyl ancol - Iso-butyl ancol -Tert-butyl ancol -Ete (số nguyên tử C \geq 5) Riêng MBTE -Aceton	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	TCVN 7332 ASTM D 4815
14	Khối lượng riêng ở 15 ⁰ C, kg/m ³	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 6594 ASTM S 1298 TCVN 8314 ASTM D 3831
15	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L, max	5	5	5	5	TCVN 7331 ASTM D3831
16	Ngoại quan	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 ASTMD 4176

Bảng số 3. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của dầu diesel 0,05S-II theo TCVN 5689:2024

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng				Phương pháp thử
		II	III	IV	V	
1	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	500	350	50	10	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)
2	Cetan, min -Trị số cetan -Chỉ số cetan	46 46	48 46	50 46	50 46	TCVN 7630 (ASTM D 613) TCVN 3180 (ASTM D 4737)
3	Nhiệt độ cất, °C max -90% thể tích thu hồi -95% thể tích thu hồi	360 -	360 -	360 -	-360	TCVN 2698 (ASTM D 86)
4	Điểm chớp cháy cốc kín, °C. min	55	55	55	55	TCVN 6608 (ASTM D 3828) TCVN 2693 (ASTM D 93)
5	Độ nhớt động học ở 40°C, mm ² /s	2,0 - 4,5	2,0 - 4,5	2,0 - 4,5	2,0 - 4,5	TCVN 3171 (ASTM D 445)
6	Cặn cacbon của 10% cặn chưng cất. % khối lượng, max	0,30	0,30	0,30	0,30	TCVN 6324 (ASTM D 189) TCVN 7865 (ASTM D 4530)

7	Điểm chảy (điểm đông đặc) , °C - Mùa hè - Mùa đông	+ 12 +3	+ 12 +3	+ 12 +3	+ 12 +3	TCVN 3753 (ASTM D 97) ASTM D 5950 ASTM D 6749
8	Hàm lượng tro, % khối lượng, max	0,01	0,01	0,01	0,01	TCVN 2690 (ASTM D 482)
9	Hàm lượng nước, mg/kg, max	200	200	200	200	TCVN 3182 (ASTMD 6304)
10	Tạp chất dạng hạt, mg/1, max	10	10	10	10	TCVN 2706 (ASTM D 6217)
11	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C / 3h, max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 (ASTM D 130)
12	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³	820-860	820-850	820-850	Max 845	TCVN 6594 (ASTM D 1298) TCVN 8314 (ASTM D 4052)
13	Độ bôi trơn, μm. max	460	460	460	460	TCVN 7758 (ASTM D 6079) TCVN12016 (ASTM D 7688)
14	Hàm lượng chất thơm đa vòng (PHA), % khối lượng, max	-	11	11	11	TCVN 11587 (ASTM D 5186) TCVN 11589 (ASTM D 6591)
15	Ngoại quan	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự	TCVN 7759 (ASTM D 4176)

Mục 4. Yêu cầu kỹ thuật chung

1. Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá theo quy định tại E-HSMT này.

2. Mọi sự kéo dài thời gian vượt quá tiến độ hợp đồng của nhà thầu mà không có lý do hợp lý sẽ bị phạt theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế cũng như các Luật khác có liên quan. Do đó, nhà thầu phải có giải pháp cung cấp cũng như kế hoạch sử dụng máy móc, thiết bị và nhân lực một cách hợp lý để hoàn thành gói thầu đảm bảo về chất lượng đồng thời đáp ứng đúng tiến độ theo yêu cầu.

❖ Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa:

- Nhà thầu có Văn bản đảm bảo đủ các nội dung:

+ Cung cấp bản sao có chứng thực của Giấy phép (Còn hiệu lực) của cơ quan Nhà nước cấp cho của người vận tải về việc vận chuyển hàng hoá nguy hiểm là xăng dầu trên phương tiện ô-tô xi-téc; trường hợp Nhà thầu không phải là người vận tải (không sở hữu ô-tô xi-téc) thì phải cung cấp thêm Hợp đồng vận chuyển với người vận tải;

+ Bản sao có chứng thực của Giấy chứng nhận kiểm định dung tích xe ô-tô xi-téc khi giao hàng.

+ Có hợp đồng bảo hiểm hàng hóa vận chuyển $\geq 100\%$ Tổng giá trị hàng hóa tham dự thầu.

- Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết về kế hoạch, phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa trong điều kiện thời tiết bất lợi như mưa bão và dịch bệnh để không ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và tiến độ cung cấp hàng hóa. Có thuyết minh phân tích cụ thể cung đường vận chuyển, cách thức vận chuyển đảm bảo chất lượng hàng hóa. Nhà thầu phải thuyết minh rõ ràng, chi tiết, hợp lý về phương án đảm bảo tiến độ cung cấp hàng hóa theo kế hoạch phù hợp với hiện trạng gói thầu đang xét. Nhà thầu phải có thuyết minh rõ ràng, cụ thể các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, trong quá trình sản xuất (hoặc trong quá trình nhập hàng đối với nhà thầu thương mại) và cung cấp hàng hóa theo quy định, thuyết minh rõ ràng chi tiết các biện pháp xử lý khi xảy ra tai nạn lao động. Nhà thầu phải có thuyết minh rõ ràng, cụ thể khi giao hàng phải có biện pháp kiểm tra nghiệm thu đảm bảo chất lượng và số lượng đảm bảo tiến độ hợp đồng trong đó phải nêu rõ trách nhiệm của các bên trong quá trình giao nhận, thuyết minh rõ phương án khi đến địa điểm tập kết (khu vực quân sự, kho chứa của chủ đầu tư) phải có biện pháp bốc xếp hàng hoá xuống bảo đảm chất lượng hàng hoá, thuyết minh rõ ràng chi tiết kế hoạch và giải pháp quản lý nhân sự ra vào cổng Sư đoàn 5, phòng ngừa rủi ro gây mất an ninh, an toàn trật tự và cho các hoạt động khác của Sư đoàn. Thuyết minh trách nhiệm của nhà thầu trong trường hợp xảy ra sự cố và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý, phù hợp với hiện trạng, tính chất gói thầu đang xét. Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hoá, bảo quản hàng hoá trước khi giao hàng và trong quá trình vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế với hiện trạng, tính chất gói thầu. Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết biện pháp phòng chống cháy nổ, chống tràn dầu, an toàn cho người, phương tiện, hàng hóa, cơ sở vật chất trong quá trình vận chuyển, cung cấp hàng hóa. Có sơ đồ quản lý chất lượng hàng hóa hợp lý,

khả thi kèm theo, trong đó phải có các bước, quy trình thể hiện rõ các giai đoạn kiểm tra trong sơ đồ. Nhà thầu phải có bảng tiến độ cung cấp chi tiết kèm theo.

Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong đó, các nội dung bắt buộc cần kiểm tra và thử nghiệm (Theo Điều 19, Điều 20, Điều 21 của Quy định về Chế độ bảo đảm chất lượng xăng dầu trong Quân đội, ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-HC ngày 02/8/2017 của Tổng cục Hậu cần) được tóm tắt tại mục 3.1 và mục 3.2 dưới đây.

- Kiểm tra hành chính;
- Kiểm tra niêm phong vật chứa;
- Kiểm tra nhanh bằng mắt thường;
- Lấy mẫu tại 100% số phương tiện vận chuyển đến để lưu và hậu kiểm;
- Tiến hành tạm nhập hàng vào kho;
- Lấy mẫu trung bình của đợt nhập hàng để phân tích chất lượng toàn bộ;
- Đánh giá chất lượng xăng dầu, làm thủ tục nhập hàng chính thức.

Mục 5. Bản vẽ (nếu có): Không có.

Mục 6. Yêu cầu về kiểm tra và nghiệm thu chất lượng hàng hóa

1. Tất cả các loại hàng hóa mà nhà thầu sẽ cung cấp theo hợp đồng đều phải được tiến hành các thủ tục kiểm tra, nghiệm thu chất lượng (thực hiện bắt buộc), kể cả trường hợp phải kiểm định lại chất lượng hàng hóa (khi có nghi vấn và có yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc cơ quan chức năng) theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành mà không phụ thuộc vào bất kỳ giới hạn nào về hình thức cũng như số lần thực hiện thì khi đó loại hàng hóa đó mới được chấp thuận nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá (kể cả trường hợp phải kiểm định lại chất lượng hàng hóa) là thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Nếu bất kỳ một loại hàng hóa nào được nhà thầu cung cấp theo hợp đồng mà sau khi qua thủ tục kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, kể cả trường hợp phải kiểm định lại chất lượng có kết luận là không đạt yêu cầu về chất lượng, thì nhà thầu phải tiến hành thay mới và chỉ sau khi Chủ đầu tư hoặc cơ quan chức năng đã có kết luận là hàng hóa đó đã đảm bảo yêu cầu về chất lượng thì loại hàng hóa đó mới được chấp thuận nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng./.